



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DẪN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

In hai mặt

Xin lưu ý rằng những thẻ học này được thiết kế để in hai mặt. Nếu máy in của bạn không thể in hai mặt, vui lòng tải xuống các tệp PDF thẻ học đơn để in.

tôi

bạn
đại từ

anh ấy

cô ấy

nó

chúng tôi / chúng ta

các bạn

họ

cái gì

ai

ở đâu

tại sao

làm sao

cái nào

lúc nào

sau đó

nếu

thật sự

nhưng

bởi vì

không

he

you

I

we

it

she

what

they

you

why

where

who

when

which

how

really

if

then

not

because

but

này

Tôi cần cái này

Cái này giá bao nhiêu?

đó
vật

tất cả

hoặc

và

biết

Tôi biết

Tôi không biết

nghĩ

đến

đặt

lấy

tìm

nghe

làm việc

nói chuyện

cho

thích

giúp đỡ

How much is this?

I need this

this

or

all

that

I know

to know
knew, known

and

to come
came, come

to think
thought, thought

I don't know

to find
found, found

to take
took, taken

to put
put, put

to talk
talked, talked

to work
worked, worked

to listen
listened, listened

to help
helped, helped

to like
liked, liked

to give
gave, given

yêu

gọi

chờ đợi

Tôi thích bạn

Tôi không thích cái này

Bạn có yêu tôi không?

Tôi yêu bạn

0

1

2

3

4

5

6

7

8

9

10

11

12

13

to wait
waited, waited

to call
called, called

to love
loved, loved

Do you love me?

I don't like this

I like you

one

zero

I love you

four

three

two

seven

six

five

ten

nine

eight

thirteen

twelve

eleven

14

15

16

17

18

19

20

mới

cũ

ít

nhiều

bao nhiêu?
đại cương

bao nhiêu?
số

sai

chính xác

xấu

tốt

hạnh phúc

ngắn

dài

nhỏ

sixteen

fifteen

fourteen

nineteen

eighteen

seventeen

old

new

twenty

how much?

many

few

correct

wrong

how many?

happy

good

bad

small

long

short

lớn
to

đó
địa điểm

đây

phải

trái

xinh đẹp

trẻ

già

xin chào

hẹn gặp lại

được

bảo trọng nhé

đừng lo

tất nhiên

chúc ngày tốt lành

chào

bái bai

tạm biệt

xin làm phiền

xin lỗi

cảm ơn bạn

here

there

big

beautiful

left

right

hello

old

young

take care

ok

see you later

good day

of course

don't worry

good bye

bye bye

hi

thank you

sorry

excuse me

làm ơn

Tôi muốn cái này

bây giờ

buổi chiều

buổi sáng
9:00-11:00

ban đêm

buổi sáng
6:00-9:00

buổi tối

buổi trưa

nửa đêm

giờ

phút

giây

ngày

tuần

tháng

năm

thời gian

ngày tháng

ngày hôm kia

hôm qua

now

I want this

please

night

morning

afternoon

noon

evening

morning

minute

hour

midnight

week

day

second

time

year

month

yesterday

the day before yesterday

date

hôm nay

ngày mai

ngày kia

thứ hai
ngày

thứ ba
ngày

thứ tư
ngày

thứ năm

thứ sáu

thứ bảy

chủ nhật

Ngày mai là thứ bảy

cuộc đời

đàn bà

đàn ông

tình yêu

bạn trai

bạn gái

bạn
danh từ

hôn
danh từ

tình dục

trẻ em

the day after tomorrow

tomorrow

today

Wednesday

Tuesday

Monday

Saturday

Friday

Thursday

life

Tomorrow is Saturday

Sunday

love

man

woman

friend

girlfriend

boyfriend

child

sex

kiss

em bé

con gái
đại cường

con trai
đại cường

mẹ

ba

má
mẹ

cha

cha mẹ

con trai
gia đình

con gái
gia đình

em gái

em trai

chị gái

anh trai

đúng

ngồi

nằm xuống

đóng

mở
cửa

thua

thắng

boy

girl

baby

mother

dad

mum

son

parents

father

little brother

little sister

daughter

to stand
stood, stood

big brother

big sister

to close
closed, closed

to lie
lay, lain

to sit
sat, sat

to win
won, won

to lose
lost, lost

to open
opened, opened

chết

sống
động từ

bật

tắt

giết

làm bị thương

chạm

xem

uống

ăn

đi bộ

gặp

đặt cược

hôn
động từ

đi theo

cười

trả lời

hỏi

câu hỏi

công ty

kinh doanh

to turn on
turned, turned

to live
lived, lived

to die
died, died

to injure
injured, injured

to kill
killed, killed

to turn off
turned, turned

to drink
drank, drunk

to watch
watched, watched

to touch
touched, touched

to meet
met, met

to walk
walked, walked

to eat
ate, eaten

to follow
followed, followed

to kiss
kissed, kissed

to bet
bet, bet

to ask
asked, asked

to answer
answered, answered

to marry
married, married

business

company

question

việc làm

tiền

điện thoại

văn phòng

bác sĩ

bệnh viện

y tá

cảnh sát
người

tổng thống

màu trắng

màu đen

màu đỏ

màu xanh da trời

màu xanh lá cây

màu vàng

chậm

nhanh

vui vẻ

không công bằng

công bằng

khó

telephone

money

job

hospital

doctor

office

president

policeman

nurse

red

black

white

yellow

green

blue

funny

quick

slow

difficult

fair

unfair

dễ

Cái này khó

giàu

nghèo

khỏe

yếu

an toàn

mệt mỏi

tự hào

no bụng

bệnh

khỏe mạnh

tức giận

thấp
đại cương

cao
đại cương

thẳng

mỗi / mọi

luôn luôn

thực ra

lần nữa

đã

rich

This is difficult

easy

weak

strong

poor

proud

tired

safe

healthy

sick

full

high

low

angry

always

every

straight

already

again

actually

ít hơn

phần lớn

nhiều hơn

Tôi muốn nhiều hơn

không có

rất

động vật

con lợn

con bò

con ngựa

con chó

con cừu

con khỉ

con mèo

con gấu

con gà

con vịt

con bướm

con ong

con cá

con nhện

more

most

less

very

none

I want more

cow

pig

animal

sheep

dog

horse

bear

cat

monkey

butterfly

duck

chicken

spider

fish

bee

con rắn

ở ngoài

ở trong

xa

gần

bên dưới

bên trên

bên cạnh

phía trước

phía sau

ngọt

chua

lạ

mềm

cứng

đáng yêu

ngu ngốc

điên khùng

bận rộn

cao
người

thấp
người

inside

outside

snake

below

close

far

front

beside

above

sour

sweet

back

hard

soft

strange

crazy

stupid

cute

short

tall

busy

lo lắng

ngạc nhiên

ngẫu

cư xử tốt

ác độc

khéo léo

lạnh

nóng

đầu

mũi

tóc

miệng

tai

mắt

bàn tay

bàn chân

tim

não

kéo

đẩy

ấn

cool

surprised

worried

clever

evil

well-behaved

head

hot

cold

mouth

hair

nose

hand

eye

ear

brain

heart

foot

to press
pressed, pressed

to push
pushed, pushed

to pull
pulled, pulled

đánh

bắt

chiến đấu

ném

chạy
động từ

đọc

viết

sửa chữa

đếm

cắt

bán

mua

trả

học

mơ

ngủ

chơi

ăn mừng

nghỉ ngơi

thưởng thức

dọn dẹp

to fight
fought, fought

to catch
caught, caught

to hit
hit, hit

to read
read, read

to run
ran, run

to throw
threw, thrown

to count
counted, counted

to fix
fixed, fixed

to write
wrote, written

to buy
bought, bought

to sell
sold, sold

to cut
cut, cut

to dream
dreamt, dreamt

to study
studied, studied

to pay
paid, paid

to celebrate
celebrated, celebrated

to play
played, played

to sleep
slept, slept

to clean
cleaned, cleaned

to enjoy
enjoyed, enjoyed

to rest
rested, rested

trường học

nhà ở

cửa

chồng

vợ

đám cưới

người

xe hơi

nhà

thành phố

số

21

22

26

30

31

33

37

40

41

44

door

house

school

wedding

wife

husband

home

car

person

twenty one

number

city

thirty

twenty six

twenty two

thirty seven

thirty three

thirty one

forty four

forty one

forty

48

50

51

55

59

60

61

62

66

70

71

73

77

80

81

84

88

90

91

95

99

fifty one

fifty

forty eight

sixty

fifty nine

fifty five

sixty six

sixty two

sixty one

seventy three

seventy one

seventy

eighty one

eighty

seventy seven

ninety

eighty eight

eighty four

ninety nine

ninety five

ninety one

100

1000

10.000

100.000

1.000.000

con chó của tôi

con mèo của bạn

váy của cô ấy

xe của anh ấy

quả bóng của nó

nhà của chúng tôi

đội của bạn

công ty của họ

mọi người

cùng nhau

khác

không thành vấn đề

chúc mừng

thư giãn đi

tôi đồng ý

chào mừng

ten thousand

one thousand

one hundred

my dog

one million

one hundred thousand

his car

her dress

your cat

your team

our home

its ball

together

everybody

their company

cheers

doesn't matter

other

welcome

I agree

relax

không phải lo

rễ phải

rễ trái

đi thẳng

Hãy đi với tôi

trúng

phô mai

sữa

cá

thịt

rau

trái cây

xương
món ăn

dầu

bánh mì

đường
món ăn

sô cô la

kẹo

bánh bông lan

đồ uống

nước

turn left

turn right

no worries

egg

Come with me

go straight

fish

milk

cheese

fruit

vegetable

meat

bread

oil

bone

candy

chocolate

sugar

water

drink

cake

nước soda

cà phê

trà

bia

rượu nho

sa lát

súp

món tráng miệng

bữa ăn sáng

bữa trưa

bữa tối

pizza

xe buýt

xe lửa

ga xe lửa

trạm dừng xe buýt

máy bay

tàu

xe tải

xe đạp

xe mô tô

tea

coffee

soda

salad

wine

beer

breakfast

dessert

soup

pizza

dinner

lunch

train station

train

bus

ship

plane

bus stop

motorcycle

bicycle

lorry

xe taxi

đèn giao thông

bãi đậu xe

đường
xe hơi

quần áo

giày dép

áo choàng

áo len

áo sơ mi

áo khoác

áo phộc

quần dài

đầm

áo phông

bít tất

áo ngực

quần lót

kính

túi xách

ví tiền

ví

car park

traffic light

taxi

shoe

clothing

road

shirt

sweater

coat

trousers

suit

jacket

sock

T-shirt

dress

glasses

underpants

bra

wallet

purse

handbag

nhấn

mũ

đồng hồ đeo tay

túi

Bạn tên gì?

Tên của tôi là David

Tôi 22 tuổi

Bạn có khoẻ không?

Bạn có ổn không?

Nhà vệ sinh ở đâu vậy?

Tôi nhớ bạn

mùa xuân

mùa hè

mùa thu

mùa đông

tháng một

tháng hai

tháng ba

tháng tư

tháng năm

tháng sáu

watch

hat

ring

My name is David

What's your name?

pocket

Are you ok?

How are you?

I'm 22 years old

spring

I miss you

Where is the toilet?

winter

autumn

summer

March

February

January

June

May

April

tháng bảy

tháng tám

tháng chín

tháng mười

tháng mười một

tháng mười hai

mua sắm

hóa đơn

chợ

siêu thị

tòa nhà

căn hộ

trường đại học

nông trại

nhà thờ

nhà hàng

quán bar

phòng thể dục

công viên

nhà vệ sinh
đại cương

bản đồ

September

August

July

December

November

October

market

bill

shopping

apartment

building

supermarket

church

farm

university

gym

bar

restaurant

map

toilet

park

xe cứu thương

cảnh sát
đại cương

súng

lính cứu hỏa
đại cương

quốc gia

ngoại ô

ngôi làng

sức khỏe

dược phẩm

tai nạn

bệnh nhân

phẫu thuật

viên thuốc

sốt

cảm lạnh

vết thương

cuộc hẹn

ho

cổ

mông

vai

gun

police

ambulance

suburb

country

firefighters

medicine

health

village

surgery

patient

accident

cold

fever

pill

cough

appointment

wound

shoulder

bottom

neck

đầu gối

chân

tay

bụng

ngực

lưng

răng

lưỡi

môi

ngón tay

ngón chân

dạ dày

phổi

gan

dây thần kinh

thận

ruột

màu sắc

màu cam

màu xám

màu nâu

arm

leg

knee

back

bosom

belly

lip

tongue

tooth

stomach

toe

finger

nerve

liver

lung

colour

intestine

kidney

brown

grey

orange

màu hồng

nhàm chán

nặng

nhẹ

cô đơn

đói bụng

khát nước

buồn

độc

bằng phẳng

tròn

vuông

hẹp

rộng

sâu

nông

lớn
rất

bắc

đông

nam

tây

heavy

boring

pink

hungry

lonely

light

steep

sad

thirsty

square

round

flat

deep

broad

narrow

north

huge

shallow

west

south

east

bẩn

sạch sẽ

đầy

trống rỗng

đắt

rẻ

tối

sáng

quyến rũ

lười biếng

dũng cảm

hào phóng

đẹp trai

xấu xí

ngớ ngẩn

thân thiện

tội lỗi

mù

say

ướt

khô

full

clean

dirty

cheap

expensive

empty

sexy

light

dark

generous

brave

lazy

silly

ugly

handsome

blind

guilty

friendly

dry

wet

drunk

ấm áp

ồn ào

yên tĩnh

im lặng

nhà bếp

phòng tắm

phòng khách

phòng ngủ

vườn

gara

tường

tầng hầm

nhà vệ sinh
nhà ở

cầu thang

mái nhà

cửa sổ
tòa nhà

dao

tách

ly

đĩa

cốc

quiet

loud

warm

bathroom

kitchen

silent

garden

bedroom

living room

basement

wall

garage

roof

stairs

toilet

cup

knife

window

cup

plate

glass

thùng rác

tô

bộ tivi

bàn
văn phòng

giường

gương

vòi hoa sen

ghế sofa

ảnh

đồng hồ

bàn
nhà

ghế
nhà

hồ bơi
vườn

chuông

hàng xóm

thất bại

chọn

bắn

bình chọn

rơi xuống

bảo vệ

TV set

bowl

garbage bin

mirror

bed

desk

picture

sofa

shower

chair

table

clock

neighbour

bell

swimming pool

to shoot
shot, shot

to choose
chose, chosen

to fail
failed, failed

to defend
defended, defended

to fall
fell, fallen

to vote
voted, voted

tấn công

trộm

đốt

cứu

hút thuốc

bay

mang theo

khắc nhủ

đá
động từ

cẩn

thở

ngủi

khóc

hát

cười mỉm

cười

lớn lên

co lại

tranh luận

đe dọa

chia sẻ

to burn
burnt, burnt

to steal
stole, stolen

to attack
attacked, attacked

to fly
flew, flown

to smoke
smoked, smoked

to rescue
rescued, rescued

to kick
kicked, kicked

to spit
spit, spit

to carry
carried, carried

to smell
smelt, smelt

to breathe
breathed, breathed

to bite
bit, bitten

to smile
smiled, smiled

to sing
sang, sung

to cry
cried, cried

to shrink
shrank, shrunk

to grow
grew, grown

to laugh
laughed, laughed

to share
shared, shared

to threaten
threatened, threatened

to argue
argued, argued

cho ăn

trốn

cảnh báo

bơi

nhảy

lăn

nâng

đào

sao chép

giao hàng

tìm kiếm

luyện tập

đi du lịch

vẽ

tắm vòi sen

mở
khóa

khóa

rửa

cầu nguyện

nấu ăn

sách

to warn
warned, warned

to hide
hid, hidden

to feed
fed, fed

to roll
rolled, rolled

to jump
jumped, jumped

to swim
swam, swum

to copy
copied, copied

to dig
dug, dug

to lift
lifted, lifted

to practice
practiced, practiced

to look for
looked, looked

to deliver
delivered, delivered

to take a shower
took, taken

to paint
painted, painted

to travel
travelled, travelled

to wash
washed, washed

to lock
locked, locked

to open
opened, opened

book

to cook
cooked, cooked

to pray
prayed, prayed

thư viện

bài tập về nhà

bài thi

bài học

khoa học

lịch sử

nghệ thuật

tiếng Anh

tiếng Pháp

cây bút

bút chì

3%

thứ nhất

thứ hai
2

thứ ba
3

thứ tư
4

kết quả

hình vuông

hình tròn

diện tích

ngiên cứu

exam

homework

library

history

science

lesson

French

English

art

three percent

pencil

pen

third

second

first

square

result

fourth

research

area

circle

bằng cấp

cử nhân

thạc sĩ

$x < y$

$x > y$

áp lực

bảo hiểm

nhân viên
công ty

bộ phận

lương

địa chỉ

lá thư

thuyền trưởng

thám tử

phi công

giáo sư

giáo viên

luật sư

thư ký

trợ lý

thẩm phán

master

bachelor

degree

stress

x is greater than y

x is smaller than y

department

staff

insurance

letter

address

salary

pilot

detective

captain

lawyer

teacher

professor

judge

assistant

secretary

giám đốc

quản lý

đầu bếp

tài xế taxi

tài xế xe buýt

tội phạm

người mẫu

nghệ sĩ

số điện thoại

tín hiệu

ứng dụng

trò chuyện

tập tin

url

địa chỉ email

trang mạng

thư điện tử

điện thoại di động

pháp luật

nhà tù

chứng cứ

cook

manager

director

criminal

bus driver

taxi driver

telephone number

artist

model

chat

app

signal

e-mail address

url

file

mobile phone

e-mail

website

evidence

prison

law

tiền phạt

nhân chứng

tòa án

chữ ký

thua lỗ

lợi nhuận

khách hàng

số tiền

thẻ tín dụng

mật khẩu

máy rút tiền

bể bơi

điện

máy ảnh

đài radio

quà tặng

cái chai

cái túi

chìa khóa

búp bê

thiên thần

court

witness

fine

profit

loss

signature

credit card

amount

customer

swimming pool

cash machine

password

radio

camera

power

bag

bottle

present

angel

doll

key

lược

kem đánh răng

bàn chải đánh răng

dầu gội

kem thoa

khăn giấy

son môi

truyền hình

rạp chiếu phim

tin tức

ghế
rạp chiếu phim

vé

màn chiếu

âm nhạc

sân khấu

khán giả

hội họa

trò đùa

bài báo

báo chí

tạp chí

toothbrush

toothpaste

comb

tissue

cream

shampoo

cinema

TV

lipstick

ticket

seat

news

stage

music

screen

joke

painting

audience

magazine

newspaper

article

quảng cáo

thiên nhiên

tro

lửa

kim cương

mặt trăng

Trái Đất

mặt trời

ngôi sao

hành tinh

vũ trụ

bờ biển
biển

hồ

rừng

sa mạc

đồi núi

đá
danh từ

con sông

thung lũng

núi

đảo

ash

nature

advertisement

moon

diamond

fire

star

sun

earth

coast

universe

planet

desert

forest

lake

river

rock

hill

island

mountain

valley

đại dương

biển

thời tiết

băng

tuyết

bão táp

mưa

gió

thực vật

cây

cỏ

hoa hồng

hoa

chất khí

kim loại

vàng

bạc

Bạc rẻ hơn vàng

Vàng đắt hơn bạc

ngày lễ

thành viên
người

weather

sea

ocean

storm

snow

ice

plant

wind

rain

rose

grass

tree

metal

gas

flower

Silver is cheaper than gold

silver

gold

member

holiday

Gold is more expensive than
silver

khách sạn

bờ biển
cát

khách

sinh nhật

Giáng sinh

Năm Mới

Lễ Phục sinh

chú

cô

bà nội

ông nội

bà ngoại

ông ngoại

tử vong

phần mộ

ly hôn

cô dâu

chú rể

101

105

110

guest

beach

hotel

New Year

Christmas

birthday

aunt

uncle

Easter

grandmother

grandfather

grandmother

grave

death

grandfather

groom

bride

divorce

one hundred and ten

one hundred and five

one hundred and one

151

200

202

206

220

262

300

303

307

330

373

400

404

408

440

484

500

505

509

550

595

two hundred and two

two hundred

one hundred and fifty one

two hundred and sixty two

two hundred and twenty

two hundred and six

three hundred and seven

three hundred and three

three hundred

four hundred

three hundred and seventy
three

three hundred and thirty

four hundred and forty

four hundred and eight

four hundred and four

five hundred and five

five hundred

four hundred and eighty four

five hundred and ninety five

five hundred and fifty

five hundred and nine

600

601

606

616

660

700

702

707

727

770

800

803

808

838

880

900

904

909

949

990

con hổ

six hundred and six

six hundred and one

six hundred

seven hundred

six hundred and sixty

six hundred and sixteen

seven hundred and twenty
seven

seven hundred and seven

seven hundred and two

eight hundred and three

eight hundred

seven hundred and seventy

eight hundred and eighty

eight hundred and thirty
eight

eight hundred and eight

nine hundred and nine

nine hundred and four

nine hundred

tiger

nine hundred and ninety

nine hundred and forty nine

con chuột

con chuột cống

con thỏ

con sư tử

con lừa

con voi

con chim

con gà trống choai

con chim bồ câu

con ngựa

côn trùng

con bọ

con muỗi

con ruồi

con kiến

con cá voi

con cá mập

con cá heo

con ốc sên

con ếch

thường xuyên

rabbit

rat

mouse

elephant

donkey

lion

pigeon

cockerel

bird

bug

insect

goose

ant

fly

mosquito

dolphin

shark

whale

often

frog

snail

ngay lập tức

đột ngột

mặc dù

thể dục dụng cụ

quần vợt

chạy
đanh từ

đạp xe

đánh golf

trượt băng

bóng đá

bóng rổ

bơi lội

lặn

đi bộ đường dài

Vương quốc Anh

Tây Ban Nha

Thụy sĩ

Ý

Pháp

Đức

Thái Lan

although

suddenly

immediately

running

tennis

gymnastics

ice skating

golf

cycling

swimming

basketball

football

United Kingdom

hiking

diving

Italy

Switzerland

Spain

Thailand

Germany

France

Singapore

Nga

Nhật Bản

Israel

Ấn Độ

Trung Quốc

Hoa Kỳ

Mexico

Canada

Chile

Brazil

Argentina

Nam Phi

Nigeria

Ma Rốc

Libya

Kenya

Algeria

Ai Cập

New Zealand

Úc

Japan

Russia

Singapore

China

India

Israel

Canada

Mexico

The United States of America

Argentina

Brazil

Chile

Morocco

Nigeria

South Africa

Algeria

Kenya

Libya

Australia

New Zealand

Egypt

Châu Phi

Châu Âu

Châu Á

Châu Mỹ

mười lăm phút

nửa tiếng

bốn mươi lăm phút

1:00

2:05

3:10

4:15

5:20

6:25

7:30

8:35

9:40

10:45

11:50

12:55

một giờ sáng

hai giờ chiều

Asia

Europe

Africa

half an hour

quarter of an hour

America

five past two

one o'clock

three quarters of an hour

twenty past five

quarter past four

ten past three

eight thirty five

half past seven

twenty five past six

ten to twelve

quarter to eleven

twenty to ten

two o'clock in the afternoon

one o'clock in the morning

five to one

tuần trước

tuần này

tuần sau

năm ngoái

năm nay

năm sau

tháng trước

tháng này

tháng sau

2014-01-01

2003-02-25

1988-04-12

1899-10-13

1907-09-30

2000-12-12

trán

nếp nhăn

cằm

má
cơ thể

râu

lông mi

next week

this week

last week

next year

this year

last year

next month

this month

last month

twelfth of April nineteen
eighty eight

twenty fifth of February two
thousand and three

first of January two thousand
and fourteen

twelfth of December two
thousand

thirtieth of September
nineteen o seven

thirteenth of October
eighteen ninety nine

chin

wrinkle

forehead

eyelashes

beard

cheek

lông mày

eo

gáy

lồng ngực

ngón cái

ngón tay út

ngón tay đeo nhẫn

ngón tay giữa

ngón tay trỏ

cổ tay

móng tay

gót chân

xương sống

cơ bắp

xương
cơ thể

bộ xương

xương sườn

đốt sống

bàn quang

tĩnh mạch

động mạch

nape

waist

eyebrow

little finger

thumb

chest

index finger

middle finger

ring finger

heel

finger nail

wrist

bone

muscle

spine

vertebra

rib

skeleton

artery

vein

bladder

âm đạo

tinh trùng

dương vật

tinh hoàn

mộng nước

cay

mặn

sống
tính từ

lược

nhút nhát

tham lam

ngghiêm khắc

điếc

penis

sperm

vagina

hot

juicy

testicle

boiled

raw

salty

strict

greedy

shy

deaf